TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12-12-2025.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Nguyên Hồng và ông Vũ Hữu Hưởng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huế - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lừ Thị Đ, sinh năm 2001. Số CCCD 014301000971. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản C, xã T, tỉnh Sơn La. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Quang A, sinh năm 1998. Số CCCD 035098003964. Nơi ĐKNHTT và nơi ở: Tiểu khu 7, xã T, tỉnh Sơn La. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2025, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa chị Lừ Thị Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lừ Thị Đ và anh Trần Quang A kết hôn với nhau vào ngày 22/7/2019 trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và được UBND xã N, tỉnh Sơn La (nay là xã T, tỉnh Sơn La) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung hạnh phúc được khoảng hơn 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, không thể tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2025 cho đến nay, sau khi mâu thuẫn xảy

ra anh chị đã được gia đình 2 bên hòa giải nhưng vẫn không cải thiện được. Nay chị Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quang A. Hiện nay chị do làm ăn xa nhà không thể về tham dự phiên tòa nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có một con chung, là cháu Trần Thị Trúc M, sinh ngày 14/10/2019. Hiện nay chị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M. Nguyện vọng của chị Đ sau khi ly hôn là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị chưa yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lừ Thị Đ cam kết không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Theo Bản tự khai đồng thời là đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa anh Trần Quang A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang A và chị Lừ Thị Đ kết hôn với nhau vào ngày 22/7/2019 trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và được UBND xã N, tỉnh Sơn La (nay là xã T, tỉnh Sơn La) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung hạnh phúc được khoảng hơn 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, không thể tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2025 cho đến nay, sau khi mâu thuẫn xảy ra anh chị đã được gia đình 2 bên hòa giải nhưng vẫn không cải thiện được. Nay chị Đ có đơn xin ly hôn anh cũng nhất trí nhưng do điều kiện công việc mặc dù anh đã nhận được thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo và quyết định xét xử của Tòa án nhưng anh không thể có mặt trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án được, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có một con chung, là cháu Trần Thị Trúc M, sinh ngày 14/10/2019, hiện nay chị Đ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Sau khi ly hôn anh A nhất trí giao cháu Mai cho chị Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, tôi chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ chưa yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh Trần Quang A cam kết không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát Phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử(Sau đây viết tắt là HĐXX): Tại phiên tòa HĐXX tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn anh Trần Quang A đã được tống đạt các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng do tính chất công việc nên không thể có mặt trong quá trình giải quyết vụ án được. Tại phiên tòa cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lừ Thị Đ, xử cho chị Đ được ly hôn với anh Trần Quang A.

- Về con chung: Giao cháu Trần Thị Trúc M, sinh ngày 14/10/2019 cho chị Lừ Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Trần Quang A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đào.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Đ và anh A cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lừ Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu và đánh giá khách quan các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lừ Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quang A, xét thấy là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Trần Quang A cư trú tại bảnTiểu khu 7, xã T, tỉnh Sơn La nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Sơn La, theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lừ Thị Đ và bị đơn anh Trần Quang A đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lừ Thị Đ và anh Trần Quang A theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 22/7/2019 chị Lừ Thị Đ và anh Trần Quang A tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Nà Bó, tỉnh Sơn La (nay là xã T, tỉnh Sơn La), do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh Alà hợp pháp theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung của anh chị thường xảy ra xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách quan điểm sống không phù hợp, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị Đ và anh Ađã ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2025 cho đến nay, chị Đ cương quyết xin ly hôn với anh A. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Đ và anh Ađã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần xử cho chị Đ được ly hôn với anh A, theo quy định khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lừ Thị Đ và anh Trần Quang A đều nhất trí thỏa thuận giao cháu Trần Thị Trúc M, sinh ngày 14/10/2019 cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Trần Quang A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Xét thấy nguyện vọng trên của chị Đ và anh A là tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014 nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Đ và anh A đều cam kết không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Đ và anh A đều cam kết không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lừ Thị Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lừ Thị Đ, xử cho chị Lừ Thị Đ được ly hôn với anh Trần Quang A.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Trúc M, sinh ngày 14/10/2019 cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Trần Quang A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lừ Thị Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000509 ngày 20/10/2025 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lừ Thị Đ và anh Trần Quang A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/12/2025).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND Khu vực 4 – Sơn La;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 4 – Sơn La;
- UBND xã T, tỉnh Sơn La;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Hải